

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 11 - 2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Trúc L**, sinh ngày 09/12/1992

Địa chỉ: Ấp H, xã Mong T, huyện C, tỉnh K.

- Bị đơn: Ông **MOHAMMAD IDRIS BIN AB**, sinh năm 1975

Địa chỉ: S Lo B Co Cork Ireland.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 09/10/2019, nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L trình bày:

Năm 2016, thông qua mai mối, bà và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB có quen biết nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 29/02/2016.

Sau khi kết hôn ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB ở lại Việt Nam một thời gian ngắn thì quay trở về Ireland. Thời gian đầu sau khi trở về Ireland ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho bà, nhưng do bất đồng ngôn ngữ, không có người dịch nên ông bà cũng không nói chuyện được nhiều. Càng về sau các cuộc gọi thưa dần. Ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB cũng muốn bảo lãnh bà sang Ireland để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay việc bảo lãnh vẫn chưa được. Do cách trở địa lý, bận công việc nên ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB cũng không thể thường xuyên về Việt nam thăm bà. Bất đồng ngôn ngữ, cách trở địa lý giữa ông bà gần như không thể trao đổi với nhau, không hiểu nhau, tình cảm vợ chồng không được vun đắp nên ngày càng phai nhạt.

Hiện nay, bà cũng không còn tình cảm gì với ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB, vợ chồng không sống gần nhau để quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà mong muốn được ly hôn với ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB: Tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 11/10/2019, ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB thống nhất lời trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Võ Thị Trúc L, ông cũng đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Trúc L và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Võ Thị Trúc L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Trúc L, ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Võ Thị Trúc L và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

29/02/2016 theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Bộ luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa ông bà là do sau khi kết hôn ông ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB trở về Ireland, ít liên lạc với nhau do bất đồng ngôn ngữ, cách xa địa lý, ông ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB thực hiện thủ tục bảo lãnh để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không bảo lãnh được, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không ở gần nhau quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, nên giữa ông bà đã thống nhất ly hôn.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Trúc L và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Võ Thị Trúc L được ly hôn với ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Trúc L và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB đều khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Trúc L được ly hôn với ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB.

2. Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Trúc L và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Trúc L và ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Trúc L nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ

phí Tòa án số 0000703 ngày 16/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Trúc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng ông MOHAMMAD IDRIS BIN AB có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến